

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU PVVCL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU PVVCL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PVVCL IMPORT EXPORT TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108803316

**3. Ngày thành lập:** 28/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 21, Ngõ 643/3 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [pvvcltrading@gmail.com](mailto:pvvcltrading@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến | 4663(Chính) |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                        | 4662        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh)                      | 8299        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                          | 4101        |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                    | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                               | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                      | 4293        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                              | 4211        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                   | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                 | 4299        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                     | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                          | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                      | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                      | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                             | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                             | 4330        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                             | 4933        |

|     |                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                          | 4912 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                 | 4931 |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                  | 4632 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                               | 5510 |
| 22. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                        | 0220 |
| 23. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                                             | 0311 |
| 24. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                                          | 0312 |
| 25. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                             | 1020 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                            | 1629 |
| 27. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                        | 4661 |
| 28. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                      | 0510 |
| 29. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                       | 0520 |
| 30. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                 | 0710 |
| 31. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                                                                   | 0730 |
| 32. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                     | 0810 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                                                                                                           | 0990 |
| 34. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(Ghi theo Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH/2013 ngày 25/11/2014) | 6810 |
| 35. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                              | 4620 |

**6. Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN MINH PHÚC    | Số 34 phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    | 011756373                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HOÀNG LONG | Số nhà 223, phố Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    | 001084011084                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG QUYẾT CHÍ   | Tổ 13, Phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    | B9844090                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN QUỐC VIỆT    | Số 50 ngõ 97 phố Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    | 035082002506                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | ĐÀO ĐẠI VIỆT      | Xóm 4, Xã Đông Quý, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    | 034091008328                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 6   | TRẦN HUY VƯƠNG    | Trường QLKT - Giao thông vận tải, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    | 001081000499                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                  | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 16,667    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MINH PHÚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 16/10/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011756373

Ngày cấp: 01/11/2009

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34 Phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 34 Phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội